TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 52/2019/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 20 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/A16/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 152/2019/TLST-VDS ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình L hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Đào Thị Hằng L, sinh năm 1990: NĐKHKTT và nơi ở: Tiểu khu A, thị trấn H, L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La và anh Cù Việt H, sinh năm 1990: ĐKTT và nơi ở: Tổ B, Thị trấn Y, B, huyện yên Bái, tỉnh yên Bái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Đào Thị Hằng L và anh Cù Việt H kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2014 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 07/02/2014.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do công việc của anh H thường xuyên đi làm xa nhà, thời gian về nhà rất ít, không có thời gian quan tâm chăm sóc vợ con vì vậy tình cảm vợ chồng dần mất đi, hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng không H thuận, thường xuyên bất đồng quan điểm sống mỗi khi gặp nhau. Vì vậy, anh chị đã sống L thân từ năm 2017 đến nay. Sau thời gian L thân, anh chị đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mẫu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung nên thống nhất thuận tình L hôn. Tại phiên H giải, chị L, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu L hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện L hôn nên căn cứ Điều 55 của

Luật Hôn nhân và gia đình năm2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình L hôn của chị L, anh H.

[2] Về con chung: Chị L, anh H có 01 con chung là cháu Cù Ngọc H, sinh ngày 06/9/2013. Chị L, anh H thống nhất: Chị L nhận trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H cho đến tuổi trưởng thành và anh H nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng là 3.000.000đ(ba triệu đồng) cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 10 năm 2019.

Xét thấy việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng của chị L, anh H quy định tại Điều 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Chị L, anh H không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên tòa án không xem xét.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị L nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000VNĐ.

Xét thấy: Việc thuận tình L hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện L hôn và H giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản H giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình L hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Hằng L và anh Cù Ngọc H nhất trí thuận tình L hôn.

- Về con chung: Giao cháu Cù Ngọc H, sinh ngày 06/9/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Cù Ngọc H cùng chị L mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi cháu H đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2019.

Sau khi L hôn, anh H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung nợ chung vợ chồng: Trong thời kỳ hôn nhân chị L, anh H không có tài sản chung cũng như nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Đào Thị Hằng L nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình L hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/A16/0003268 ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND thị trấn H, L;
- Thi hành án dân sự, huyện mai sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh sơn la;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Hà